

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST

Ngày: 04 – 7 - 2023

*"V/v TrA chấp thừa kế quyền sử dụng đất"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**- M1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Lanh**.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: **Huỳnh Văn Hồng**.

2. Ông: **Nguyễn Văn Cơ Ba**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 6 và ngày 04 tháng 7 N 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số: 125/2021/TLST – DS ngày 04 tháng 5 N 2021 về việc *"TrA chấp thừa kế quyền sử dụng đất"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 N 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Phan Văn L** – sinh N 1954 (vắng).

Địa chỉ: ấp L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Phan Văn L** là ông **Lê Tấn P** – sinh N: 1976 (theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2021) (có mặt).

Địa chỉ thường trú: ấp A, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: số D, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** 2. Ông **Phan Văn M** – sinh N: 1967 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3. Ông **Phan Văn C** – sinh N: 1942 (chết)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Phan Văn C là:

3.1. Bà **Huỳnh Thị S** – sinh N: 1948 (vắng).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Chị **Phan Thị Bé H** – sinh N: 1962 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Chị **Phan Thị Bé B** – sinh N: 1964 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. A **Phan Văn Bé N** - sinh N: 1971 (vắng).

3.5. A **Phan Văn Bé G** – sinh N: 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).  
Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.6. A **Phan Văn Bé T** – sinh N: 1979 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).  
Địa chỉ: số P, khóm R, M1 phố V, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà **Phan Thị M1** – sinh N: 1953 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).  
Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà **Phạm Thị Kim A** – sinh N: 1957 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).  
Địa chỉ: ấp Y, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. Bà **Phan Thị M2** – sinh N: 1965 (chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Phan Thị M2 là:

6.1. Ông **Lê Văn Q** – sinh N: 1965 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

6.2. Chị **Lê Thị Diễm T1** – sinh N: 1999 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

6.3. Chị **Lê Thị Diễm T2** – sinh N: 1989 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số G, phường E, phố Hồ Chí Minh.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn L là ông Lê Tấn P trình bày:**

Cha ông Phan Văn L là cụ ông Phan Văn Tân, sinh N 1917 (chết 24/5/2011) và mẹ là cụ bà Nguyễn Thị B, sinh N: 1923 (chết 23/11/2005), cụ Tân và cụ B có tất cả 06 người con gồm:

1. Phan Văn C (chết 06/10/2013) ông C có vợ Huỳnh Thị S, ông C và bà S có 05 người con Phan Thị Bé H, Phan Thị Bé B, Phan Văn Bé N, Phan Văn Bé G, Phan Văn Bé T.

2. Phan Thị M1.

3. Phan Văn L.

4. Phạm Thị Kim A.

5. Phan Thị M2 (chết 08/01/2018) có chồng Lê Văn Q, bà M2 và ông Q có 02 người con là Lê Thị Diễm T1 và Lê Thị Diễm T2.

6. Phan Văn M.

Khi cụ Tân và cụ B còn sống đã phân chia 01 phần tài sản là quyền sử dụng đất cho các A chị em của ông L như sau: Ông C 3.000m<sup>2</sup> đất ruộng, ông M 2.000m<sup>2</sup> đất ruộng, bà M1 1.000 m<sup>2</sup> đất ruộng, bà Kim A 1.000m<sup>2</sup> đất ruộng, bà M2 1.000m<sup>2</sup> đất ruộng, đồng thời các A chị em của ông L đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng ông L do thời điểm cụ Tân và cụ B tặng cho đất các A chị em của ông L thì ông L sống chung với cụ Tân và cụ B nên cụ Tân và cụ B chưa tặng cho đất đối với ông L. N 1990 ông L đi làm ăn ở Sóc Trăng nên mua đất và sinh sống ở Sóc Trăng, có 02 người con ông L là chị Phan Thị Kim Sa và chị Phan Thị Nguyên vẫn ở quê để chăm sóc cho cụ Tân và cụ B. Đến N 2004, cụ Tân và cụ B tặng cho chị Nguyên 1.000m<sup>2</sup> đất ruộng để cA tác nhưng sau đó thì ông M không đồng ý nên chị Nguyên không còn cA tác phần đất trên.

Đến khi chị Nguyễn lập gia đình thì ông M về sống chung với cụ Tân và cụ B đến khi cụ Tân và cụ B qua đời. Sau khi cụ Tân và cụ B mất có để lại di sản là:

- Thửa 433, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.020m<sup>2</sup> loại đất thổ vườn.
- Thửa 924, tờ bản đồ số 0002, diện tích 3.530m<sup>2</sup> loại đất thổ quả.
- Thửa 937, tờ bản đồ số 0002, diện tích 1.360m<sup>2</sup> loại đất cây ăn quả.

Tất cả các thửa đất trên cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi cụ Tân và cụ B qua đời thì không để lại di chúc. Do ông L chưa được chia tài sản của cụ Tân và cụ B để lại nên ông L yêu cầu ông M chia thừa kế cho ông L M phần đất của cụ Tân và cụ B để lại nhưng ông M không đồng ý vì ông M cho rằng ông M là con trai út nên phải được nhận toàn bộ số di sản trên.

Nay ông Phan Văn L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Phan Văn Tân và cụ Nguyễn Thị B M1 06 kỷ phần. Ông L yêu cầu được chia và nhận bằng hiện vật 01 kỷ phần diện tích theo đo đạc tại tách thửa 254 (tách 432) diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N và tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N. Cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**\* Bị đơn ông Phan Văn M có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng KH ý kiến ngày 22/10/2021 ông Phan Văn M trình bày:** Ông là con ruột của cụ Tân và cụ B. Ông thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông L về việc cụ Tân và cụ B để lại di sản là 03 thửa đất gồm thửa 433, diện tích 3.020m<sup>2</sup>; thửa 924, diện tích 3.530m<sup>2</sup>, thửa 937, diện tích 1.360m<sup>2</sup>. Cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay các thửa đất trên do ông quản lý, sử dụng. Nay ông L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Phan Văn Tân và cụ Nguyễn Thị B M1 06 kỷ phần. Ông L yêu cầu được chia và nhận bằng hiện vật 01 kỷ phần diện tích theo đo đạc tại tách thửa 254 (tách 432) diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N và tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N. Cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông đồng ý. Trên tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N mà ông L yêu cầu được hưởng có 02 cây bưởi da xA 04 N tuổi và trên tách thửa 254 có 20 cây bưởi da xA 04 N tuổi. Ông yêu cầu ông L phải trả giá trị 20 cây bưởi lại cho ông theo giá nhà nước, phần diện tích đất còn lại của cụ Tân thì ông M yêu cầu được hưởng.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị Bé H, Phan Thị Bé B, Phan Văn Bé G, Phan Văn Bé T có đơn xin vắng mặt nhưng tại các bảng KH ý kiến vào các ngày 14/4/2023, 20/4/2023, 10/5/2023 chị Bé H, chị Bé B, A Bé G, A Bé T cùng trình bày:** Các A chị là con ruột của ông Phan Văn C (chết) và bà Huỳnh Thị S. Cụ Tân và cụ B là ông bà nội của các A chị. Ông C

và bà S có tất cả 05 người con gồm: Phan Thị Bé H, Phan Thị Bé B, Phan Văn Bé N, Phan Văn Bé G, Phan Văn Bé T. Nay đối với di sản của cụ Tân và cụ B chết để lại thì các A chị không yêu cầu hưởng thừa kế và cũng không có trA chấp gì.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M1 có đơn xin vắng mặt nhưng tại biên bản ghi lời KH ngày 26/4/2023 bà M1 trình bày:**

Bà là con ruột của cụ Tân và cụ B. Bà thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông L về việc cụ Tân và cụ B để lại di sản là 03 thửa đất gồm thửa 433, diện tích 3.020m<sup>2</sup>; thửa 924, diện tích 3.530m<sup>2</sup>; thửa 937, diện tích 1.360m<sup>2</sup>. Cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. N nào thì bà không nhớ nhưng cách nay khoảng 50 N thì cụ Tân và cụ B có tặng cho bà diện tích 500m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa 432, bà đã cA tác đất từ khi cụ Tân và cụ B tặng cho bà đến nay nhưng bà chưa làm thủ tục tách thửa sang tên đất vẫn do cụ Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cụ Tân và cụ B tặng cho đất bà thì tất cả các A chị em của bà đều biết.

Nay bà yêu cầu chia thừa kế đối với di sản thừa kế của cụ Tân và cụ B chết để lại. Bà yêu cầu được chia và nhận bằng hiện vật diện tích theo đo đạc tại tách thửa 159 + tách 254 (tách 432), diện tích 497,3m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N, tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim A có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng KH ý kiến ngày 12/4/2023 bà Kim A trình bày:** Bà là con ruột của cụ Tân và cụ B, bà thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông L về việc cụ Tân và cụ B để lại di sản là 03 thửa đất như trên. Nay đối với di sản của cụ Tân và cụ B chết để lại thì bà không yêu cầu hưởng thừa kế và cũng không có trA chấp gì.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Q có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng KH ý kiến ngày 14/4/2023 ông Q trình bày:** Ông là chồng của bà Phan Thị M2 (chết). Cụ Tân và cụ B là cha mẹ vợ của ông. Ông và bà M2 có tất cả 02 người con gồm: Lê Thị Diễm T1 và Lê Thị Diễm T2. Nay đối với di sản của cụ Tân và cụ B chết để lại thì ông không yêu cầu hưởng thừa kế và cũng không có trA chấp gì.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Diễm T1 và chị Lê Thị Diễm T2 có đơn xin vắng mặt nhưng tại các bảng KH ý kiến ngày 11/6/2021 và ngày 4/4/2023 chị T1 và chị T2 cùng trình bày:** Các chị là con ruột của ông Lê Văn Q và bà Phan Thị M2 (chết). Cụ Tân và cụ B là ông bà ngoại của các chị. Ông Q và bà M2 có tất cả 02 người con gồm: Lê Thị Diễm T1 và Lê Thị Diễm T2. Nay đối với di sản của cụ Tân và cụ B chết để lại thì các chị không yêu cầu hưởng thừa kế và cũng không có trA chấp gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công KH chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án

đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa tuân thủ theo Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự N 2015; Điều 188, Điều 203 Luật đất đai N 2013; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 14, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L.

1/. Giao cho ông Phan Văn L được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất tại tách thửa 254 (tách 432) diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> (trong đó có 50 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 1.198,1m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N) và tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 497.7 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N) cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Phan Văn M có nghĩa vụ giao cho ông Phan Văn L phần đất tại tách thửa 254 (tách 432) diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 1.198,1m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N) và tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> ( trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 497.7m<sup>2</sup>-đất trồng cây lâu N) cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022, ngày 20/3/2023, ngày 03/7/2023).

Giao cho ông Phan Văn L được sở hữu 20 cây bưởi da xA trên thửa 254. Buộc ông Phan Văn L có nghĩa vụ thA toán giá trị 20 cây bưởi da xA lại cho ông Phan Văn M M1 tiền là 11.600.000đ (M2 M triệu G trăm nghìn đồng).

2/. Giao cho ông Phan Văn M được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất tại tách 254 (tách 432 + tách 433) diện tích 2.657,8m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 2.557,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N). Tách 159 (tách 432 + tách 433) diện tích 2.179,7m<sup>2</sup> (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 2.029,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N) cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ vật kiến trúc và cây trồng trên đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/3/2023, ngày 03/7/2023).

3/. Giao cho bà Phan Thị M1 được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất tại tách 159 + tách 254 (tách 432), diện tích 497,3m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 449,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N), tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022).

Buộc ông Phan Văn M có nghĩa vụ giao cho bà Phan Thị M1 phần đất tại tách 159 + tách 254 (tách 432), diện tích 497,3m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 449,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N), tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện

Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022).

Ông Phan Văn L, ông Phan Văn M, bà Phan Thị M1 có nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê KH, đăng ký phân đất trên theo quy định.

*\* Về chi phí tố tụng:*

Chi phí khảo sát đo đạc, định giá: 10.528.618đ (M2 triệu N trăm H mươi T nghìn G trăm M2 T đồng). Buộc ông L phải nộp 3.498.540đ (B triệu bốn trăm chín mươi T nghìn N trăm bốn mươi đồng). Buộc ông M phải nộp 5.536.078đ (N triệu N trăm B mươi G nghìn không trăm bảy mươi T đồng). Buộc bà M1 phải nộp là 1.494.000đ (M triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) nhưng ông L đã tạm nộp 10.528.618đ (M2 triệu N trăm H mươi T nghìn G trăm M2 T đồng) nên buộc ông M phải trả lại cho ông L số tiền 5.536.078đ (N triệu N trăm B mươi G nghìn không trăm bảy mươi T đồng). Buộc bà M1 phải trả lại cho ông L số tiền 1.494.000đ (M triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

*Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Phan Văn L được miễn án phí do ông Phan Văn L là người cao tuổi.

Buộc ông Phan Văn M phải chịu án phí là 21.596.500đ (H mươi một triệu N trăm chín mươi G nghìn N trăm đồng).

Bà Phan Thị M1 được miễn án phí do bà Phan Thị M1 là người cao tuổi.

*Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:*

*[1] Về tố tụng dân sự:*

Quan hệ pháp luật trA chấp: Đây là vụ án trA chấp thừa kế quyền sử dụng đất, các phần đất trA chấp thuộc tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N; Tách 159 + tách 254 (tách 432), diện tích 497,3m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N; Tách 254 (tách 432 + tách 433), diện tích 2.657,8m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N; Tách 159 (tách 432 + tách 433 ) diện tích 2.179,6m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N; Tách 254 (tách 432), diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N. Cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị S, A Phan Văn Bé N đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến để tham dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà S và A Bé N.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn M, chị Phan Thị Bé H, chị Phan Thị Bé B, A Phan Văn Bé G, A Phan Văn Bé T, bà Phan Thị M1, bà Phạm Thị Kim A, ông Lê Văn Q, chị Lê Thị Diễm T1, chị Lê Thị Diễm T2 có đơn xin vắng mặt tham dự các phiên hòa giải và phiên tòa nên căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022, ngày 20/3/2023 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Vũng Liêm và biên bản định giá tài sản ngày 19/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự huyện Vũng Liêm thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị M1 đều thống nhất.

Cụ ông Phan Văn Tân, sinh N 1917 (chết 24/5/2011) và cụ bà Nguyễn Thị B, sinh N: 1923 (chết 23/11/2005), cụ Tân và cụ B có tất cả 06 người con gồm:

1. Phan Văn C (chết 06/10/2013) ông C có vợ Huỳnh Thị S, ông C và bà S có 05 người con Phan Thị Bé H, Phan Thị Bé B, Phan Văn Bé N, Phan Văn Bé G, Phan Văn Bé Bảy (chết còn nhỏ không vợ con), Phan Văn Bé T.

2. Phan Thị M1.

3. Phan Văn L.

4. Phạm Thị Kim A.

5. Phan Thị M2 (chết 08/01/2018) có chồng Lê Văn Q, bà M2 và ông Q có 02 người con là Lê Thị Diễm T1 và Lê Thị Diễm T2.

6. Phan Văn M.

Sau khi cụ Tân và cụ B mất thì không có để lại di chúc, di sản của cụ Tân và cụ B gồm các thửa đất: tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N; Tách 159 + tách 254 (tách 432), diện tích 497,3m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N; Tách 254 (tách 432 + tách 433), diện tích 2.657,8m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu; Tách 159 (tách 432+tách 433), diện tích 2.179,6m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N N, trên đất có 1 căn nhà cấp 4 của ông Phan Văn M; Tách 254 (tách 432), diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N, cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông Phan Văn L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Phan Văn Tân và cụ Nguyễn Thị B M1 06 kỷ phần. Ông L yêu cầu được chia và nhận bằng hiện vật 01 kỷ phần diện tích theo đo đạc tại tách thửa 254 (tách 432) diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N và tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N. Cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét yêu cầu của ông L là có căn cứ để chấp nhận bởi theo Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự N 2015 thì cụ Tân và cụ B chết không để lại di chúc nên di sản của cụ Tân và cụ B sẽ được chia thừa kế cho các người con của cụ Tân và cụ B theo pháp luật.

Hàng thừa kế của cụ Tân và cụ B là ông C (chết 2013) thì bà S, chị Bé H, chị Bé B, A Bé N, A Bé G, A Bé T là người được hưởng thừa kế của ông C; bà M1; ông L; bà Kim A; bà M2 (chết 2018) thì ông Q, chị T1, chị T2 là người được hưởng thừa kế của bà M2; ông M. Theo quy định về thừa kế theo pháp luật thì những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Nhưng người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông C là bà S, chị Bé H, chị Bé B, A Bé N, A Bé G, A Bé T đều từ chối không yêu cầu hưởng di sản của cụ Tân và cụ B. Bà

Kim A cũng từ chối không yêu cầu hưởng di sản của cụ Tân và cụ B. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà M2 là ông Q, chị T1, chị T2 đều từ chối không yêu cầu hưởng di sản của cụ Tân và cụ B, còn lại ông L, bà M1 và ông M yêu cầu được hưởng di sản của cụ Tân và cụ B. Do đó trường hợp cộng tất cả các thửa đất của cụ Tân và cụ B lại theo diện tích đo đạc thực tế là 7.130,7m<sup>2</sup> chia đều cho ông L, bà M1 và ông M thì mỗi người được hưởng diện tích là 2.376,9m<sup>2</sup>. Ông L yêu cầu ông M chia thừa kế tại tách thửa 254 (tách 432) diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N và tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N là phù hợp theo quy định của pháp luật và ông M cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, buộc ông M phải có nghĩa vụ giao cho ông L phần đất tại tách thửa 254 (tách 432) diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N và tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N, cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022, 20/3/2023). Giao cho ông L được sở hữu 20 cây bưởi da xA trên tách thửa 254. Buộc ông L có nghĩa vụ thA toán giá trị 20 cây bưởi da xA lại cho ông M M1 tiền là 11.600.000đ.

Ông M yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Tân và cụ B tại tách 254 (tách 432 + tách 433), diện tích 2.657,8m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N; Tách 159 (tách 432 + tách 433), diện tích 2.179,6m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N. Ông L và bà M1 đều thống nhất đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó giao cho ông M được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất tại tách 254 (tách 432 + tách 433), diện tích 2.657,8m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N và tách 159 (tách 432 + tách 433), diện tích 2.179,6m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà ở vật kiến trúc và cây trồng trên đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/3/2023, ngày 03/7/2023).

Bà M1 yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Tân và cụ B tại tách 159 + tách 254 (tách 432), diện tích 497,3m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N. Ông L và ông M đều thống nhất đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, buộc ông M có nghĩa vụ giao cho bà M1 phần đất tại tách 159 + tách 254 (tách 432), diện tích 497,3m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu N, tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022).

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

\* Về chi phí tố tụng:

Chi phí khảo sát đo đạc, định giá: 10.528.618đ (M2 triệu N trăm H mươi T nghìn G trăm M2 T đồng). Buộc ông L phải nộp 3.498.540đ (B triệu bốn trăm chín mươi T nghìn N trăm bốn mươi đồng). Buộc ông M phải nộp 5.536.078đ (N triệu N trăm B mươi G nghìn không trăm bảy mươi T đồng). Buộc bà M1 phải nộp là 1.494.000đ (M triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) nhưng ông

L đã tạm nộp 10.528.618đ (M2 triệu N trăm H mươi T nghìn G trăm M2 T đồng) nên buộc ông M phải trả lại cho ông L số tiền 5.536.078đ (N triệu N trăm B mươi G nghìn không trăm bảy mươi T đồng). Buộc bà M1 phải trả lại cho ông L số tiền 1.494.000đ (M triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo luật định.  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự N 2015; Điều 188, Điều 203 Luật đất đai N 2013; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 14, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội.

**\* Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L do ông Lê Tân P đại diện theo ủy quyền.

1/. Giao cho ông Phan Văn L được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất tại tách thửa 254 (tách 432) diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 1.198,1m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N) và tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 497,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N) cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Phan Văn M có nghĩa vụ giao cho ông Phan Văn L phần đất tại tách thửa 254(tách 432) diện tích 1.248,1m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 1.198,1m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N) và tách 159 (tách 433 + tách 435) diện tích 547,7m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 497,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N) cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022, 20/3/2023, 03/7/2023).

Giao cho ông Phan Văn L được sở hữu 20 cây bưởi da xA trên thửa 254. Buộc ông Phan Văn L có nghĩa vụ thA toán giá trị 20 cây bưởi da xA lại cho ông Phan Văn M M1 tiền là 11.600.000đ (M2 M triệu G trăm nghìn đồng).

2/. Giao cho ông Phan Văn M được quyền quản lý sử dụng hợp pháp phần đất tại tách 254 (tách 432 + tách 433) diện tích 2.657,8m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 2.557,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N).Tách 159 (tách 432 + tách 433), diện tích 2.179,7m<sup>2</sup> (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 2.029,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N) cùng tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ vật kiến trúc và cây trồng trên đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/3/2023, ngày 03/7/2023).

3/. Giao cho bà Phan Thị M1 được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất tại tách 159 + tách 254 (tách 432), diện tích 497,3m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 449,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N), tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022).

Buộc ông Phan Văn M có nghĩa vụ giao cho bà Phan Thị M1 phần đất tại tách 159 + tách 254 (tách 432), diện tích 497,3m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất đất ở nông thôn và 449,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu N), tọa lạc ấp ThA Tân, xã ThA Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cụ Phan Văn Tân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022).

Ông Phan Văn L, ông Phan Văn M, bà Phan Thị M1 có nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê KH, đăng ký phần đất trên theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự N 2015.

*\* Về chi phí tố tụng:*

Chi phí khảo sát đo đạc, định giá: 10.528.618đ (M2 triệu N trăm H mươi T nghìn G trăm M2 T đồng). Buộc ông L phải nộp 3.498.540đ (B triệu bốn trăm chín mươi T nghìn N trăm bốn mươi đồng). Buộc ông M phải nộp 5.536.078đ (N triệu N trăm B mươi G nghìn không trăm bảy mươi T đồng). Buộc bà M1 phải nộp 1.494.000đ (M triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) nhưng ông L đã tạm nộp 10.528.618đ (M2 triệu N trăm H mươi T nghìn G trăm M2 T đồng) nên buộc ông M phải trả lại cho ông L số tiền 5.536.078đ (N triệu N trăm B mươi G nghìn không trăm bảy mươi T đồng). Buộc bà M1 phải trả lại cho ông L số tiền 1.494.000đ (M triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

*Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Phan Văn L được miễn án phí do ông Phan Văn L là người cao tuổi.

Buộc ông Phan Văn M phải chịu án phí là 21.596.500đ (H mươi một triệu N trăm chín mươi G nghìn N trăm đồng).

Bà Phan Thị M1 được miễn án phí do bà Phan Thị M1 là người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;

- Các đương sự;
- S.

**Phạm Thị Lanh**